

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16.6

*Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
(đã được soát xét)*



NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-04
BÁO CÁO SOÁT XÉT	05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán	06-08
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	09-09
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-23

VIỆT
KIỂM
TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16.6 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

Công ty

Công ty Cổ phần Licogi 16.6 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017362 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 05 năm 2007, trong quá trình hoạt động Công ty đã thay đổi 4 lần đăng ký kinh doanh, lần thứ tư ngày 07/10/2008.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103017362 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, lĩnh vực hoạt động của Công ty là:

Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo vệ, các công trình thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình; sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí; các hoạt động dịch vụ, cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (trừ kinh doanh bất động sản); kinh doanh ô tô và phụ tùng ô tô; dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; kinh doanh vận tải ô tô các loại hình như sau: Vận tải khách theo tuyến cố định, vận tải khách bằng taxi, vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch, vận tải hàng hóa; kinh doanh điện, nước, khí nén; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017362 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000đ (Hai mươi lăm tỷ đồng).

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 là lãi 5.043.891.006 VND (Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2009 là 2.527.645.497 VND)

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có :

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Công Hưng	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Đình Tuấn	Ủy viên HĐQT
Ông Lê Văn Hoạch	Ủy viên HĐQT
Ông Vũ Đình Dũng	Ủy viên HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16.6

Địa chỉ: Tầng 4 - Tòa nhà 34 – Ngõ 164 Khuất Duy Tiến – Thanh Xuân – Hà Nội

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Vũ Công Hưng	Giám đốc
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Ngọc Sinh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Giám đốc

Các thành viên ban kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban
Ông Trần Anh Khiêm	Thành viên
Ông Phạm Xuân Diện	Thành viên

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.6 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16.6

Địa chỉ: Tầng 4 - Tòa nhà 34 – Ngõ 164 Khuất Duy Tiến – Thanh Xuân – Hà Nội

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Ban giám đốc Công ty cổ phần LICOGI 16.6
phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày
01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty.

Thay mặt và đại diện cho cho Ban Giám đốc,



Vũ Công Hưng

Giám đốc

TP. Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 07 năm 2010



Số: 821 /BCKT-TC/NV5

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo Tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
của Công ty Cổ phần LICOGI 16.6

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần LICOGI 16.6**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.6 lập ngày 15 tháng 07 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16.6. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về các báo cáo này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các nguyên tắc kế toán chung được Việt Nam chấp thuận.



Th.s Nguyễn Minh Hải
Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0287/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, Ngày 20 tháng 07 năm 2010

Nguyễn Việt Long
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0692/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	TM	30/06/2010	01/01/2010
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		116.422.892.603	86.653.888.496
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		1.464.888.032	4.778.157.968
111	1. Tiền	V.01	1.464.888.032	4.778.157.968
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	18.573.003.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		23.620.978.356	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(5.047.975.356)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		52.242.827.384	30.734.571.865
131	1. Phải thu khách hàng		51.153.783.639	24.442.492.854
132	2. Trả trước cho người bán		482.078.905	4.941.031.330
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	V.03	606.964.840	1.351.047.681
140	IV. Hàng tồn kho	V.04	33.581.644.298	42.008.218.350
141	1. Hàng tồn kho		33.581.644.298	42.008.218.350
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.560.529.889	9.132.940.313
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.848.917.214	1.832.886.776
152	3. Thuế GTGT được khấu trừ		-	2.787.554.002
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		8.711.612.675	4.512.499.535
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		45.838.192.384	42.671.270.896
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		34.472.192.384	33.771.270.896
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.05	33.436.979.384	28.992.407.801
222	- Nguyên giá		41.003.348.196	33.111.613.283
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(7.566.368.812)	(4.119.205.482)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.06	1.035.213.000	4.778.863.095
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
241	- Nguyên giá		-	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		11.366.000.000	8.900.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.07	-	8.900.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.08	11.366.000.000	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		162.261.084.987	129.325.159.392

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	Đơn vị tính: VNĐ	
			30/06/2010	01/01/2010
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		122.595.944.190	94.179.788.244
310	I. Nợ ngắn hạn		110.333.299.520	83.270.393.574
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.09	35.015.558.241	18.792.800.039
312	2. Phải trả người bán		53.129.572.745	53.781.059.419
313	3. Người mua trả tiền trước		361.230.856	348.192.268
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	1.393.968.735	804.328.379
315	5. Phải trả người lao động		1.682.155.796	3.716.950.469
316	6. Chi phí phải trả	V.11	281.370.552	-
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.12	17.708.152.689	5.566.494.451
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		761.289.906	260.568.549
330	II. Nợ dài hạn		12.262.644.670	10.909.394.670
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.13	12.227.875.000	10.874.625.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		34.769.670	34.769.670
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		39.665.140.797	35.145.371.148
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.14	39.665.140.797	35.145.371.148
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.277.500.000	3.287.500.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.229.166.528	650.937.099
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		614.583.263	325.468.549
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.543.891.006	5.881.465.500
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		162.261.084.987	129.325.159.392

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	30/06/2010	01/01/2010
001	1. Tài sản thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
003	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
001	1. Ngoại tệ các loại (USD)	100	100
008	6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()



Giám đốc
Vũ Công Hưng
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng
Hà Thị Huệ

Người lập biểu
Đào Lan Tuyết



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
01	1. Doanh thu bán hàng	VI.15	211.912.093.100	14.991.116.708
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng	VI.16	211.912.093.100	14.991.116.708
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.17	199.470.813.735	13.719.489.415
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		12.441.279.365	1.271.627.293
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.18	2.717.370.533	1.424.456.985
22	7. Chi phí tài chính	VI.19	7.284.070.432	(890.115.268)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.235.045.076	301.990.000
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.242.191.864	837.608.065
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.632.387.602	2.748.591.481
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	VI.20	53.144.145	1.523.900
40	13. Lợi nhuận khác		(53.144.145)	(1.523.900)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.579.243.457	2.747.067.581
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.21	535.352.451	219.422.084
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>5.043.891.006</u>	<u>2.527.645.497</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.22	2.018	1.072

0293
CÔNG TY
CỔ PHẦN
LICOGI 16.6
KẾ TOÁN
TÀI CHÍNH
HÀ NỘI



Giám đốc

Vũ Công Hưng

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng

Hà Thị Huệ

Người lập biểu

Đào Lan Tuyết

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		85.799.092.753	21.078.633.299
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(107.421.401.313)	(21.202.141.325)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.831.627.416)	(4.424.789.793)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(2.405.650.408)	(164.055.284)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(103.144.600)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		14.722.356.765	1.948.054.075
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.130.410.903)	(1.899.110.329)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.370.785.122)	(4.663.409.357)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.104.863.549)	(7.106.182.184)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.467.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.001.000.000	2.841.889.817
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.052.370.533	1.424.456.985
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.518.493.016)	(2.839.835.382)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		59.733.961.275	12.778.054.368
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(42.157.953.073)	(1.274.745.118)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		17.576.008.202	11.503.309.250
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.313.269.936)	4.000.064.511
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		4.778.157.968	5.340.421.009
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		1.464.888.032	9.340.485.520



Giám đốc

Vũ Công Hưng

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng

Hà Thị Huệ

Người lập biểu

Đào Lan Tuyết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 16.6 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017362 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 05 năm 2007, trong quá trình hoạt động Công ty đã thay đổi 4 lần đăng ký kinh doanh, lần thứ tư ngày 07/10/2008.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017362 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000đ (Hai mươi lăm tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 4 - Tòa nhà 34 – Ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến –quận Thanh Xuân – thành phố Hà Nội

Điện thoại: 042.250.718
Fax: 042.250.716

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103017362 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, lĩnh vực hoạt động của Công ty là:

Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo vệ, các công trình thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình; sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí; các hoạt động dịch vụ, cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (trừ kinh doanh bất động sản); kinh doanh ô tô và phụ tùng ô tô; dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; kinh doanh vận tải ô tô các loại hình như sau: Vận tải khách theo tuyến cố định, vận tải khách bằng taxi, vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch, vận tải hàng hóa; kinh doanh điện, nước, khí nén; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.



Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao đang được Công ty xác định theo thời gian còn lại của TSCĐ và được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trung dương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm hoặc tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.



Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phân chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính năm hoặc tại ngày kết thúc năm tài chính giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp giá trị khối lượng thực hiện, kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận. Kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn 4 điều kiện quy định tại chuẩn mực số 15 “Hợp đồng xây dựng”.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các Quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16.6

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà 34
ngõ 164 Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

kỳ kế toán từ ngày
01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

		Đơn vị tính: VND	
		<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
1 . Tiền			
Tiền mặt		1.102.298.131	3.025.691.854
Tiền gửi ngân hàng		362.589.901	1.752.466.114
Ngân hàng BIDV- chi nhánh Hà Nội		309.648.548	1.330.922.908
- Tiền VND		308.208.498	1.329.482.858
- Tiền USD		1.440.050	1.440.050
Ngân hàng NN&PTNT Hà Nội		1.269.621	1.254.521
- Tiền VND		1.269.621	1.254.521
Ngân hàng BIDV- chi nhánh Thanh Xuân		38.646.264	410.688.434
- Tiền VND		38.646.264	410.688.434
Ngân hàng VP Bank Trần Duy Hưng		10.301.328	5.438.545
- Tiền VND		10.301.328	5.438.545
Công ty cổ phần chứng khoán FPT		391.524	2.961.652
- Tiền VND		391.524	2.961.652
Ngân hàng NN&PTNT Than Uyên		2.332.616	1.200.054
- Tiền VND		2.332.616	1.200.054
Cộng		<u>1.464.888.032</u>	<u>4.778.157.968</u>
2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
		<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)		23.620.978.356	-
Tiền gửi kỳ hạn dưới 1 năm		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(5.047.975.356)	-
Cộng		<u>18.573.003.000</u>	<u>-</u>
		<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
(*) Cổ phiếu công ty cổ phần LICOGI 16 (mã chứng khoán LCG)		462.015	23.620.978.356
		-	-
		<u>462.015</u>	<u>23.620.978.356</u>
3 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác			
		<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Phải thu khác		606.964.840	1.351.047.681
Phải trả khác dư nợ		-	-
Cộng		<u>606.964.840</u>	<u>1.351.047.681</u>
4 . Hàng tồn kho			
		<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Hàng mua đang đi đường		-	-
Nguyên liệu, vật liệu		1.144.113.132	1.301.821.075
Công cụ, dụng cụ		219.101.022	88.580.500
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		32.218.430.144	40.617.816.775
Thành phẩm		-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho		<u>33.581.644.298</u>	<u>42.008.218.350</u>

CÔNG TY
 NIÊM HI
 AN KẾ
 KIỂM T
 KIỂM HI
 CHẾ NH
 CHẾ NH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	8.554.256.647	17.599.842.156	6.564.238.703	393.275.777	33.111.613.283
-Mua trong năm	-	7.867.507.640	24.227.273	-	7.891.734.913
-Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	8.554.256.647	25.467.349.796	6.588.465.976	393.275.777	41.003.348.196
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	214.402.277	2.409.969.818	1.323.270.928	171.562.459	4.119.205.482
-Khấu hao trong kỳ	107.201.137	2.675.661.840	614.497.137	49.803.216	3.447.163.330
-Thanh lý	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	321.603.414	5.085.631.658	1.937.768.065	221.365.675	7.566.368.812
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	8.339.854.370	15.189.872.338	5.240.967.775	221.713.318	28.992.407.801
Tại ngày 30/06/2010	8.232.653.233	20.381.718.138	4.650.697.911	171.910.102	33.436.979.384

- Tổng nguyên giá tài sản cố định được thế chấp vay vốn là: 40.610.072.419 đồng

6 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2010	01/01/2010
Cột pha thủy công tâm lớn	-	4.778.863.095
Nhà văn phòng tại Nhon Trạch - Đồng Nai	1.035.213.000	-
Cộng	1.035.213.000	4.778.863.095

7 . Đầu tư vào Công ty liên kết

	30/06/2010	01/01/2010
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	-	8.900.000.000
Cộng	-	8.900.000.000

8 . Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (*)	11.366.000.000	-
Cộng	11.366.000.000	-

	Số lượng	Giá trị
(*) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	1.136.600	11.366.000.000
	-	-
	1.136.600	11.366.000.000

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9 . Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Vay ngắn hạn BIDV chi nhánh Hà Nội (*)	35.015.558.241	18.792.800.039
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>35.015.558.241</u>	<u>18.792.800.039</u>

(*) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội thuộc hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 26/2010/HĐHM ngày 09/04/2010 với tổng dư nợ tối đa là 40 tỷ với; Mục đích cho vay là bổ sung vốn lưu động. Mức lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể; Tài sản đảm bảo khoản vay là toàn bộ tài sản cố định của công ty, 890.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường, tiền gửi của bên vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

10 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Thuế giá trị gia tăng	139.442.998	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.174.461.605	742.253.754
Thuế thu nhập cá nhân	80.064.132	62.074.625
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	<u>1.393.968.735</u>	<u>804.328.379</u>

11 . Chi phí phải trả

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Trích trước chi phí thương hiệu phải trả	100.532.500	-
Chi phí lương khác	180.838.052	-
Cộng	<u>281.370.552</u>	<u>-</u>

12 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Kinh phí công đoàn	246.855.118	332.168.924
Bảo hiểm xã hội	402.896.151	94.702.757
Tạm ứng dư có	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.058.401.420	5.139.622.770
Phải trả khác (TK 1388 dư có)	-	-
Cộng	<u>17.708.152.689</u>	<u>5.566.494.451</u>

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13 . Vay và nợ dài hạn

		30/06/2010	01/01/2010
Vay dài hạn		12.227.875.000	10.874.625.000
Vay dài hạn Ngân hàng BIDV Thanh Xuân	(*)	4.352.000.000	4.176.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng BIDV Hà Nội	(**)	7.369.375.000	6.033.125.000
Vay dài hạn Ngân hàng VPBANK	(***)	506.500.000	665.500.000
Cộng		12.227.875.000	10.874.625.000

Số hợp đồng (*)	Ngày cho vay	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Số tiền
22282000000796	03/06/2009	10.05%/năm	6/4/2012	840.000.000
222820000001416	19/08/2009	10.05%/năm	8/19/2012	2.230.000.000
222820000003148	31/12/2009	12%/năm	1/30/2013	342.000.000
222820000005180	07/05/2010	12%/năm	5/6/2014	940.000.000
Tổng cộng				4.352.000.000

Số hợp đồng (**)	Ngày cho vay	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Số tiền
22282000069797	19/06/2009	10.05%/năm	6/19/2011	1.200.000.000
21182000072157	31/08/2009	10.05%/năm	8/31/2012	720.000.000
21182000072917	29/09/2009	10.05%/năm	9/29/2013	2.923.375.000
21182000073169	05/02/2010	12%/năm	8/10/2012	300.000.000
21182000076803	02/08/2010	12%/năm	5/8/2011	2.226.000.000
Tổng cộng				7.369.375.000

Số hợp đồng (***)	Ngày cho vay	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Số tiền
LD/08352/00044	17/12/2008	15%/năm	6/4/2012	274.000.000
LD/09078/00019	19/03/2009	13%/năm	3/19/2012	232.500.000
Tổng cộng				506.500.000

102
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14 . Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
Năm trước					
Tại ngày 01/01/2009	23.437.550.000	3.287.500.000	204.830.476	102.415.238	1.026.384.458
- Tăng vốn năm trước	1.562.450.000	-	446.106.623	223.053.311	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	5.782.294.287
- Phân phối quỹ	-	-	-	-	(892.213.245)
- Giảm khác	-	-	-	-	(35.000.000)
Năm nay					
Tại ngày 01/01/2010	25.000.000.000	3.287.500.000	650.937.099	325.468.549	5.881.465.500
- Tăng vốn kỳ nay	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ nay	-	-	-	-	5.043.891.006
- Phân phối lãi	-	-	578.229.429	289.114.714	-
- Phân phối quỹ	-	-	-	-	(1.381.465.500)
- Giảm khác	-	(10.000.000)	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	25.000.000.000	3.277.500.000	1.229.166.528	614.583.263	9.543.891.006

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	25.000.000.000	23.437.550.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	133.390.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	25.000.000.000	23.570.940.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000đ/ICP	10.000đ/ICP

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2010	01/01/2010
Quỹ đầu tư phát triển	1.229.166.528	650.937.099
Quỹ dự phòng tài chính	614.583.263	325.468.549
Cộng	1.843.749.791	976.405.648

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCKQHĐKD

15 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
Trong đó:		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	161.258.821.328	9.956.723.505
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	44.364.764.907	2.399.285.919
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.288.506.865	2.635.107.284
Cộng	211.912.093.100	14.991.116.708

16 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
Doanh thu thuần về hợp đồng xây dựng	161.258.821.328	9.956.723.505
Doanh thu thuần về bán hàng	44.364.764.907	2.399.285.919
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	6.288.506.865	2.635.107.284
Cộng	211.912.093.100	14.991.116.708

17 . Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
Giá vốn hợp đồng xây dựng	152.231.138.259	8.998.713.880
Giá vốn hàng hóa đã bán	42.774.777.067	2.257.859.913
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.464.898.409	2.462.915.622
Cộng	199.470.813.735	13.719.489.415

18 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	69.610.283	36.346.802
Lãi đầu tư cổ phiếu	2.049.000.000	1.195.610.183
Cổ tức nhận được	598.760.250	192.500.000
Cộng	2.717.370.533	1.424.456.985

19 . Chi phí hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
Lãi tiền vay	2.235.045.076	301.990.000
Chi phí bán chứng khoán	1.050.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	5.047.975.356	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.192.105.268)
Cộng	7.284.070.432	(890.115.268)

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16.6**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà 34
ngõ 164 Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

kỳ kế toán từ ngày
01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20 . Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
Lãi vay chậm trả thuế GTGT	53.144.145	-
Chi phí khác	-	1.523.900
Cộng	53.144.145	1.523.900

21 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	535.352.451	219.422.084
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ nay	-	-
Cộng	535.352.451	219.422.084



Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

22 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.043.891.006	2.527.645.497
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.043.891.006	2.527.645.497
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.357.094
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.018	1.072

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ trước do Công ty lập. Chỉ tiêu Quý khen thưởng phúc lợi, được phân loại lại để so sánh theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2 Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch</u>
Công ty cổ phần LICOGI 16	Cổ đông sáng lập	Bán sản phẩm xây lắp	171.510.284.960
Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường	Công ty nhận vốn góp	Mua tro bay	19.965.977.950

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>GT phải thu/ phải trả</u>
Công ty cổ phần LICOGI 16	Cổ đông sáng lập	Bán sản phẩm xây lắp	30.761.405.480
Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường	Công ty nhận vốn góp	Mua tro bay	4.415.838.843



Giám đốc
Vũ Công Hưng
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng
Hà Thị Huệ

Người lập biểu
Đào Lan Tuyết